

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **70/2022/HSST**
Ngày: 29 - 11 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Lê Quang Minh
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Bà Nguyễn Thùy Hương
và bà Nguyễn Thị Loan

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Phan Thị Thùy Liên - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tham gia phiên tòa:***
bà Hoàng Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 74/2022/HSST ngày 07 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Lê Quyết Th; sinh ngày 19 tháng 5 năm 1993, tại Quảng Bình; nơi cư trú: thôn Q, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Lê Tiến D, sinh năm 1961 và bà Trương Thị L, sinh năm 1968; Vợ: Đoàn Thị L, sinh năm 1995; có 02 con (con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2021); tiền sự, tiền án: không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 29/8/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Văn T; sinh ngày 07 tháng 11 năm 2001, tại Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Phạm Th, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1981; chưa có vợ con; tiền sự, tiền án: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 29/8/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*

- Ông Lê Văn C, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ, một ngày vào tháng 01 năm 2021, Lê Quyết Th đến nhà Phạm Văn T tại thôn Tiên Phong, xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch rủ T đi lấy trộm tài sản bán lấy tiền tiêu xài. T đồng ý, Th và T đi bộ đến bãi biển thuộc thôn Tiên Phong, xã Thanh Trạch rồi cả hai lên thuyền của ông Lê Văn C, sinh năm 1966, trú tại thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình lấy trộm 01 máy nổ chạy bằng xăng, nhãn hiệu JIANG DONG JF200NSL 6.5HP đem đến cất giấu ở bụi cây Phi Lao cách vị trí thuyền khoảng 15m rồi đi về nhà. Ngày hôm sau ông C đến gặp T và nói “Trả máy nổ cho ông”. Biết việc của mình đã bị phát hiện nên ngày hôm sau Phạm Văn T ra bụi cây Phi Lao đưa máy nổ đã lấy trộm bỏ lại trên thuyền cho ông C. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐGST ngày 15/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bố Trạch kết luận 01 máy nổ chạy bằng xăng, nhãn hiệu JIANG DONG JF200NSL 6.5HP bị trộm trị giá 3.302.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bố Trạch đã thu giữ 01 máy nổ chạy bằng xăng, nhãn hiệu JIANG DONG JF200NSL 6.5HP. Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bố Trạch đã trả lại tài sản trên cho bị hại là ông Lê Văn C.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Cáo trạng số 72/CT-VKSBT ngày 07/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch truy tố các bị cáo Lê Quyết Th và Phạm Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với Lê Quyết Th, xử phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ; áp dụng khoản 1 Điều 173 và các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với Phạm Văn T để xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Giao các bị cáo cho UBND xã Thanh Trạch phối hợp với gia đình giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo; Về xử lý vật chứng: không xem xét; Về trách nhiệm dân sự: các bị hại không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí hình sự sơ thẩm: các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng, Bị cáo Lê Quyết Th rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, cam đoan sẽ không tái phạm,

xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng lương khoan hồng của pháp luật để cải tạo tại địa phương, có điều kiện chăm sóc con nhỏ và làm ăn hỗ trợ gia đình. Bị cáo Phạm Văn T đã nhận thức đầy đủ được sai phạm của mình và xin hứa không tái phạm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, nên các hành vi tố tụng và quyết định tố tụng đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại, nhưng xét sự vắng mặt bị hại không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án, không gây trở ngại cho việc xét xử, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về tội danh: Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và vật chứng đã thu giữ, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng 20 giờ, một ngày vào tháng 01 năm 2021, lợi dụng đêm tối, Lê Quyết Th cùng Phạm Văn T đã lấy trộm 01 máy nổ chạy bằng xăng, nhãn hiệu JIANG DONG JF200NSL 6.5HP của ông Lê Văn C đem đi cất giấu chờ cơ hội bán lấy tiền tiêu xài. Kết luận định giá tài của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bồ Trạch xác định tài sản do các bị cáo trộm cắp trị giá 3.302.000 (ba triệu ba trăm linh hai nghìn) đồng. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bồ Trạch truy tố các bị cáo ra trước Tòa án là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện thấy rằng: các Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên hoàn toàn nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do bản tính lười lao động, thiếu ý thức tu dưỡng rèn luyện và bất chấp pháp luật nên bị cáo đã cố ý chiếm đoạt trái pháp luật tài sản của người khác nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Hành vi của các bị cáo mặc dù chỉ xâm hại đến tài sản của người khác với giá trị không lớn, ngay sau khi phạm tội Phạm Văn Tùng đã đem trả lại tài sản cho chủ sở hữu để khắc phục hậu quả, nhưng hành vi của các bị cáo đã làm mất trật tự, trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân trên địa bàn. Vì vậy, cần có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, đồng thời có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Hành vi phạm tội do hai bị cáo cùng thực

hiện nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, nên cần xem xét đến vai trò của từng bị cáo khi lượng hình.

[4] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hành vi của các bị cáo gây thiệt hại không lớn; quá trình điều tra, bị hại Lê Văn C có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần áp dụng các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 của Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho cả hai bị cáo. Riêng bị cáo Phạm Văn T, đây là lần đầu bị cáo phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện giao trả lại tài sản đã trộm cắp cho bị hại nên cần áp dụng thêm điểm b, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự khi lượng hình cho bị cáo.

[5] Về hình phạt: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách giản đơn là tội phạm ít nghiêm trọng, tài sản bị chiếm đoạt có giá trị không lớn, ngay sau khi bị phát hiện đã giao trả lại tài sản để khắc phục hậu quả và được bị hại làm đơn xin bãi nại. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo tỏ ra rất thành khẩn và ân hận về hành vi phạm tội của mình. Gia đình các bị cáo tha thiết xin cho các bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật để các bị cáo được cải tạo tại địa phương, gia đình cam đoan sẽ bảo lãnh cho các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt. Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng và xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ sức răn đe, giáo dục và cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Vì vậy, cần áp dụng Điều 36 của Bộ luật hình sự áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo là phù hợp. Xét vai trò của các bị cáo trong việc thực hiện hành vi phạm tội cũng như việc khắc phục hậu quả thấy rằng bị cáo Lê Quyết Th vừa là người khởi xướng và là người thực hành tích cực, bị cáo Phạm Văn T chỉ tham gia với vai trò là người thực hành và là người trực tiếp khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra nên cần xử phạt bị cáo Th nghiêm khắc hơn bị cáo T.

Xét các bị cáo là người không có nghề nghiệp tạo thu nhập ổn định nên cần chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên để miễn khấu trừ thu nhập đối với hai bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với 2 bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Xét việc xử lý vật chứng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bô Trạch trong quá trình điều tra là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Mỗi Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước. Các Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Quyết Th và bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 173; Điều 36; các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Quyết Th 24 (hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lê Quyết Th.

Giao bị cáo Lê Quyết Th cho UBND xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Lê Quyết Th thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát bị cáo thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Buộc bị cáo Lê Quyết Th phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo yêu cầu của Chính quyền địa phương và thực hiện nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 173; Điều 36; các điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Phạm Văn T.

Giao bị cáo Phạm Văn T cho UBND xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Phạm Văn T thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát bị cáo thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Buộc bị cáo Phạm Văn T phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo yêu cầu của Chính quyền địa phương và thực hiện nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

3. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Lê Quyết Th và bị cáo Phạm Văn T.

4. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử buộc bị cáo Lê Quyết Th và bị cáo Phạm Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (29/11/2022). Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- PV 06 (Phòng HSNV CAQB);
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- CA huyện Bố Trạch;
- THADS huyện Bố Trạch;
- UBND xã Thanh Trạch;
- Bị cáo, Bị hại;
- THA hình sự; Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Quang Minh